

Số: 88 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2013

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị Quyết “Chính sách khuyến khích phát triển Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020”; “Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội”; “Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội”

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về “**Chính sách khuyến khích phát triển Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020**”; “**Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội**”; “**Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội**” như sau:

I. Căn cứ xây dựng chính sách: Căn cứ vào các chính sách của Trung ương, thực tiễn về sản xuất nông nghiệp, làng nghề và cung cấp nước sạch của Thành phố (chi tiết trong các báo cáo kèm theo).

II. Sự cần thiết ban hành chính sách

Nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung theo quy hoạch để sản xuất ra nhiều nông sản hàng hóa có giá trị cao, an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội. Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đầu tư sản xuất, xây dựng hạ tầng, phát triển nghề, làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm khôi phục, bảo tồn, phát triển nghề truyền thống, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nghề, làng nghề bền vững, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, hỗ trợ các gia đình đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sạch. Đồng thời để cụ thể hóa các chính sách về phát triển nông nghiệp, phát triển làng nghề, đầu tư xây dựng công trình nước sạch nông thôn của Trung ương đã ban hành thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố. Vì vậy, việc ban hành các chính sách nêu trên là rất cần thiết.

III. Những nội dung thuộc thẩm quyền HĐND Thành phố quyết định, UBND Thành phố trình xin ý kiến

1. Chính sách khuyến khích phát triển Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Qui định này áp dụng cho các hoạt động sản xuất trong Vùng sản xuất trồng trọt chuyên canh; Vùng nuôi trồng thủy sản; Xã chăn nuôi trọng điểm; khu chăn nuôi, trang trại chăn nuôi ngoài khu dân cư (sau đây gọi chung là Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung) thành phố Hà Nội đáp ứng các điều kiện sau:

a) Nằm trong quy hoạch Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đã được xác định trong quy hoạch phát triển nông nghiệp do UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 9/7/2012.

b) Có kinh nghiệm, truyền thống và lợi thế sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản chuyên canh.

c) Đối với các trang trại sản xuất phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành tiêu chí trang trại nông nghiệp, được UBND Thành phố công nhận.

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã lựa chọn, đề xuất danh mục, quy mô các Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trình UBND Thành phố phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

1.2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, chủ trang trại, hộ gia đình (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện các hoạt động sản xuất trong Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung.

1.3. Những nội dung chính sách UBND Thành phố trình xin ý kiến HĐND Thành phố

1.3.1. Nội dung tập huấn kỹ thuật (tại Khoản 2 Điều 5 của dự thảo)

a) Đối tượng: người lao động, quản lý tham gia trực tiếp các hoạt động quản lý, sản xuất trong Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung.

b) Nội dung hỗ trợ:

Tiền biên soạn và in tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học, văn phòng phẩm, nước uống, thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học, thuốc phòng bệnh thông thường; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, tiền công thuê người phục vụ mức 1 người phục vụ/ 25 học viên; chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch cho giảng viên (nếu có); khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, khen thưởng.

c) Mức hỗ trợ:

- Chi bồi dưỡng giảng viên:

Giảng viên là các tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghề nhân cấp tỉnh, thành phố trả tiền công giảng dạy mức 450.000 đ/ buổi.

Giảng viên có trình độ kỹ sư và tương đương trả tiền công giảng dạy mức tối thiểu 25.000 đ/giờ (100.000 đ/buổi).

- Đối với người tham gia quản lý, tổ chức lớp học: Chi phí đi lại, tiền ăn, ngủ thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành.

- Đối với học viên:

+ Hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 70.000đ/ngày/học viên đối với lớp bồi dưỡng, tập huấn tổ chức tại khu vực nội thành và hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 50.000đ/ ngày/học viên đối với lớp bồi dưỡng, tập huấn tổ chức các huyện, thị xã.

+ Chi tiền chỗ ở cho học viên theo quy định hiện hành.

+ Chi tiền nước uống 30.000 đ/học viên/ngày.

+ Hỗ trợ tiền tàu xe đi lại không quá 200.000 đ/học viên/khóa học đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

- Các chi phí khác thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3.2. Chính sách khuyến khích chuyển đổi cơ cấu giống; cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản

a) Đối tượng, điều kiện được hưởng hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân khi thực hiện thay thế các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản năng suất, chất lượng thấp sang sử dụng các giống mới có năng suất, chất lượng cao (danh mục giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản được hỗ trợ theo Phụ lục 01 kèm theo) hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo quy hoạch.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ về giống:

+ Giống cây trồng, giống thủy sản: Được hỗ trợ một lần 50% chi phí mua giống lần đầu.

+ Giống vật nuôi: Hỗ trợ toàn bộ chi phí thụ tinh nhân tạo (gồm: liệu tinh, Nitơ, dụng cụ phối giống, công phối giống) trên địa bàn Thành phố khi phối giống bằng tinh bò sữa, bò thịt chất lượng cao, tinh lợn giống cao sản.

- Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh:

+ Đối với cây trồng: Hỗ trợ 50 % chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 30% trong năm thứ hai bao gồm: thuốc, công lao động, thuê máy. Hỗ trợ 100% chi phí trong năm đầu và 50% trong năm thứ hai chi phí bảo vệ thực vật khi sử dụng các chế phẩm sinh học, có nguồn gốc sinh học để phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất rau, quả, chè an toàn.

+ Đối với vật nuôi: Hỗ trợ chi phí tiêm phòng (vắc xin, công tiêm) trên địa bàn Thành phố đối với các loại bệnh nguy hiểm: cúm gia cầm, lở mồm long móng gia súc, tai xanh và dịch tả lợn; hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường.

+ Đối với thủy sản: Hỗ trợ 50 % năm đầu và 30% năm thứ hai chi phí hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường ao nuôi.

UBND Thành phố đề xuất nội dung và mức hỗ trợ như trên nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân thay thế các giống năng suất chất lượng thấp sang sử dụng các giống có năng suất, chất lượng cao, chuyển đổi nhanh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo quy hoạch, đảm bảo phòng chống dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm, an toàn vệ sinh thực phẩm, giữ gìn môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

1.3.3. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm (Điều 7 của dự thảo)

a) Hỗ trợ xúc tiến thương mại:

Các doanh nghiệp, tổ chức khi được cấp có thẩm quyền cử tham gia hội trợ, triển lãm trong nước được ngân sách Thành phố hỗ trợ các khoản chi phí theo mức quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính. Trường hợp khi tham gia hội chợ, triển lãm từ tỉnh Quảng Bình trở vào được hỗ trợ thêm 50% cước phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ, tối đa không quá 6 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức.

UBND Thành phố đề xuất hỗ trợ thêm 50% cước phí vận chuyển hàng hóa nêu trên nhằm giúp cho doanh nghiệp, tổ chức có điều kiện và tích cực tham gia quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

b) Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm:

- Các doanh nghiệp, tổ chức khi ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân có ứng trước một phần chi phí mua giống, vật tư phục vụ sản xuất thì được hỗ trợ 100% lãi suất tính theo mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh thành phố Hà Nội tại thời điểm đối với phần chi phí đã ứng trước cho nông dân. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo hợp đồng của doanh nghiệp, tổ chức, tối đa không quá 03 tháng đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất dưới 6 tháng; không quá 6 tháng đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất trên 6 tháng.

- Các doanh nghiệp khi thu mua nông sản của tổ chức, cá nhân theo hợp đồng để tiêu thụ, trong trường hợp giá thị trường xuống thấp hơn giá thu mua đã ký phải lưu kho bảo quản thì được ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% chi phí lưu kho. Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 04 tháng.

UBND Thành phố đề xuất chính sách nêu trên nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân, ứng vốn cho nông dân phát triển sản xuất, hỗ trợ để giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp khi phải lưu kho bảo quản nông sản.

1.3.4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất (Điều 9 dự thảo)

a) Hỗ trợ cấp nước phục vụ sản xuất: Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung chưa có hệ thống thủy lợi cấp nước tưới cho cây trồng thì được hỗ trợ chi

phí khoan giếng, đào giếng lấy nước tưới. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/ha.

b) Hỗ trợ xử lý môi trường, chất thải

- Đối với sản xuất trồng trọt: Hỗ trợ chi phí mua 1-2 thùng lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật/ha và chi phí tiêu hủy bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

- Đối với chăn nuôi: Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi tại các Vùng chăn nuôi trọng điểm, khu chăn nuôi tập trung, trang trại chăn nuôi ngoài khu dân cư khi xây dựng công trình xử lý chất thải đáp ứng theo yêu cầu tiêu chuẩn môi trường quy định được hỗ trợ xây dựng công trình 300.000 đồng/01 đầu gia súc chăn nuôi (lợn, trâu, bò).

- Đối với thủy sản: Hỗ trợ 01 lần bằng 50% chi phí thiết bị làm giàu ô xy vùng nước nuôi trồng thủy sản, tối đa không quá 15 triệu đồng/ha.

UBND Thành phố đề xuất các chính sách nêu trên nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tích cực đầu tư phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có khối lượng lớn, chất lượng cao và an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn; hỗ trợ xử lý nước sạch hộ gia đình; hỗ trợ bù giá cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.2. Đối tượng áp dụng

2.2.1. Các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân, hộ gia đình (sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân) thực hiện các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh, dịch vụ về nước sạch nông thôn trên địa bàn Thành phố.

2.2.2. Các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các khu vực có nguồn nước bị ô nhiễm nặng và chưa được xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn trong giai đoạn đến năm 2020.

2.2.3. Các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số khi sử dụng nước sạch lần đầu từ các công trình cấp nước sạch tập trung.

UBND Thành phố đề xuất thêm phạm vi và đối tượng đối với việc bù giá nước sạch cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ngoài phạm vi và đối tượng được quy định tại Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn và Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 của Thủ tướng Chính

phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015.

2.3. Nội dung chính sách UBND Thành phố trình xin ý kiến HĐND Thành phố

2.3.1. Hỗ trợ về đầu tư (điểm a Khoản 3 Điều 4 và điểm b Khoản 1 Điều 5 dự thảo):

Được hưởng mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Thành phố theo tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể: Hỗ trợ 90% đối với các xã vùng dân tộc và miền núi; 75% đối với các vùng đồi gò, trung du; 60% đối với vùng đồng bằng và 45% đối với vùng thị trấn, thị tứ.

UBND Thành phố đề nghị chính sách nêu trên là mức hỗ trợ đầu tư cao nhất theo Quyết định 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn để nâng tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch hiện nay là 35% lên 60% vào năm 2015 (tương đương 1,1 triệu người).

2.3.2. Chính sách hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn (Điều 7 dự thảo)

Đối với các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước lần đầu từ các công trình cấp nước tập trung được Thành phố hỗ trợ 60% giá nước sạch trong năm đầu tiên, 30% giá nước sạch trong năm thứ hai, nhưng hỗ trợ tối đa không quá 04m³/tháng/người.

UBND Thành phố đề xuất chính sách nêu trên để hỗ trợ và khuyến khích các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở nông thôn sử dụng nước sạch nhằm đảm bảo về sức khỏe, giảm tình trạng bệnh tật trong dân cư liên quan đến nguồn nước, giảm chi phí khám chữa bệnh cho gia đình và xã hội.

3. Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội (Điều 7 của dự thảo)

3.1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

3.1.1. Phạm vi áp dụng:

Quy định này áp dụng trong các lĩnh vực khôi phục, bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển làng nghề kết hợp với du lịch; xây dựng hạ tầng làng nghề theo quy hoạch được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3.1.2. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân hoạt động thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, điều 2 của quy định này (sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân) bao gồm:

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất - kinh doanh tại các làng nghề trên địa bàn thành phố, bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (gọi chung là cơ sở sản xuất).

- Hội, Hiệp hội ngành nghề thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

- Tổ chức và cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động, dịch vụ phát triển nghề và làng nghề.

- Các làng nghề trên địa bàn Thành phố.

Phạm vi và đối tượng nêu trên thực hiện theo đúng các chính sách liên quan hiện hành của Trung ương.

3.2. Những nội dung chính sách UBND Thành phố trình xin ý kiến HĐND Thành phố

3.2.1. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề, tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp (Điều 4 của dự thảo)

Đào tạo nghề, truyền nghề từ 3 tháng đến 1 năm:

- Nội dung, mức hỗ trợ: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% học phí và tiền mua tài liệu theo quy định của cơ sở đào tạo và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ngành nghề đào tạo: gồm sứ, đậu bạc, thóc đồng, điêu khắc, sơn mài, khảm trai.

- Thời gian đào tạo: Theo giáo trình của cơ sở đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

UBND Thành phố đề xuất chính sách nêu trên do thực tế một số nghề yêu cầu thời gian đào tạo trên 3 tháng đến dưới 1 năm người lao động mới có thể đạt tay nghề thành thạo.

3.2.2. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu làng nghề (Điều 5 của dự thảo)

a. Hỗ trợ xúc tiến thương mại

- Các tổ chức, cơ sở sản xuất được hưởng chính sách xúc tiến thương mại theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia.

- Các tổ chức, cơ sở sản xuất khi được Ủy ban nhân dân Thành phố cử tham gia hội chợ, triển lãm trong nước từ tỉnh Quảng Bình trở vào được hỗ trợ thêm 50% cước phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ, tối đa không quá 6 triệu đồng/tổ chức, cơ sở sản xuất.

UBND Thành phố đề xuất thêm nội dung hỗ trợ cước phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ nêu trên nhằm giúp các tổ chức, cơ sở sản xuất có điều kiện và tích cực tham gia quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

b. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu làng nghề

Các làng nghề được Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận được Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí để thực hiện các nội dung:

- Đào tạo, tập huấn kiến thức về xây dựng và quảng bá thương hiệu với chuyên gia trong nước và chuyên gia nước ngoài.

- Đặt tên thương hiệu; thiết kế biểu tượng (lô gô) và hệ thống các dấu hiệu nhận diện thương hiệu tương ứng cho thương hiệu làng nghề.

- Tư vấn chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu cho thương hiệu làng nghề.

Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/1 làng nghề/1 nội dung. Các làng nghề được quyền đăng ký nhiều nội dung đề nghị hỗ trợ.

UBND Thành phố đề xuất nội dung chính sách trên nhằm hỗ trợ và khuyến khích các làng nghề có ý thức và tích cực tham gia xây dựng và phát triển thương hiệu, nâng cao giá trị kinh tế của sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng thêm thu nhập cho người lao động.

c. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng làng nghề

- Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường

Các làng nghề đã được UBND Thành phố quyết định công nhận được Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí để xây dựng công trình trạm xử lý nước thải đầu mối của khu thu gom xử lý nước thải tập trung; khu tập kết chất thải rắn. Hệ thống đường dẫn và phần còn lại được huy động đóng góp của các tổ chức, cơ sở sản xuất, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác (máy móc công nghệ xử lý nước thải phù hợp với quy mô và tính chất từng ngành nghề, làng nghề).

UBND Thành phố đề xuất chính sách nêu trên do hiện nay phần lớn các làng nghề chưa có các công trình xử lý chất thải, nước thải để giảm thiểu ô nhiễm môi trường do đầu tư xây dựng các công trình này đòi hỏi nguồn kinh phí lớn. Theo Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định: Hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường cho các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn, trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách địa phương tối đa là 60% tổng mức vốn đầu tư dự án, nguồn huy động đóng góp của tổ chức cá nhân được hưởng lợi và nguồn huy động hợp pháp khác tối thiểu là 40% tổng mức đầu tư dự án. Để thuận lợi cho công tác quản lý đầu tư, UBND Thành phố đề xuất không thực hiện mức hỗ trợ như Thông tư 113//2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài Chính nêu trên, mà đề xuất hỗ trợ 100% kinh phí để xây dựng công trình trạm xử lý nước thải đầu mối của khu thu gom xử lý nước thải tập trung, khu tập kết chất thải rắn.

- Hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ du lịch làng nghề:

Các làng nghề kết hợp du lịch theo quy hoạch được UBND Thành phố phê duyệt được Ngân sách Thành phố hỗ trợ:

+ Toàn bộ kinh phí mua vật tư để xây dựng bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng; phần còn lại được huy động đóng góp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác.

+ Toàn bộ kinh phí mua vật tư để xây dựng khu trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm nhưng không quá 1.000 triệu đồng/làng nghề, phần còn lại được

huy động đóng góp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác.

UBND Thành phố đề xuất nội dung chính sách trên nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân huy động các nguồn lực để kết hợp với nguồn kinh phí hỗ trợ từ nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng phục vụ du lịch làng nghề, thu hút khách trong và ngoài nước thăm quan, mua sắm sản phẩm, góp phần mở rộng sản xuất, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Trên đây là những nội dung chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố khóa XIV, kỳ họp thứ 8 xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
(để báo cáo)
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- VP HĐND TP;
- VP UBND: CVP, các PVP;
- Các phòng CVNCTH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Việt

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về Chính sách khuyến khích phát triển Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020; Chính sách khuyến khích phát triển nghề và làng nghề thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XIV KỲ HỌP THỨ 8

(Từ ngày /12/2013 đến ngày /12/2013)

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND, UBND ngày 26/11/2003;

Sau khi xem xét tờ trình số...../TTr - UBND ngày 15/11/2013 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020; Chính sách khuyến khích phát triển nghề và làng nghề thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Thành phố; Báo cáo giải trình của UBND Thành phố và ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND Thành phố;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chính sách khuyến khích phát triển Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020

1. Chính sách hỗ trợ về đào tạo, tập huấn kỹ thuật

1.1. Đối tượng: người lao động, quản lý tham gia trực tiếp các hoạt động quản lý, sản xuất trong Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung.

1.2. Nội dung hỗ trợ:

Tiền biên soạn và in tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học, văn phòng phẩm, nước uống, thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học, thuốc phòng bệnh thông thường; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, tiền công thuê người phục vụ mức 1 người phục vụ/ 25 học viên; chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch cho giảng viên(nếu có); khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, khen thưởng.

1.3. Mức hỗ trợ:

- Chi bồi dưỡng giảng viên:

Giảng viên là các tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghề nhân cấp tỉnh, thành phố trả tiền công giảng dạy mức 450.000 đ/ buổi.

Giảng viên có trình độ kỹ sư và tương đương trả tiền công giảng dạy mức tối thiểu 25.000 đ/giờ (100.000 đ/buổi).

- Đối với người tham gia quản lý, tổ chức lớp học: Chi phí đi lại, tiền ăn, ngủ thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành.

- Đối với học viên:

+ Hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 70.000đ/ngày/học viên đối với lớp bồi dưỡng, tập huấn tổ chức tại khu vực nội thành và hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 50.000đ/ ngày/học viên đối với lớp bồi dưỡng, tập huấn tổ chức các huyện, thị xã.

+ Chi tiền chỗ ở cho học viên theo quy định hiện hành.

+ Chi tiền nước uống 30.000 đ/học viên/ngày.

+ Hỗ trợ tiền tàu xe đi lại không quá 200.000 đ/học viên/khóa học đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

- Các chi phí khác thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị tổ chức tập huấn, học viên tham gia theo quy định quản lý tài chính hiện hành.

2. Chính sách khuyến khích chuyển đổi cơ cấu giống; cơ cấu cây trồng, vật nuôi

2.1. Đối tượng, điều kiện được hưởng hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân khi thực hiện thay thế các giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng thấp sang sử dụng các giống mới có năng suất, chất lượng cao (danh mục giống do Sở Nông nghiệp và PTNT quy định) hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch.

2.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

2.1. Hỗ trợ về giống:

a) Giống cây trồng, giống thủy sản: Được hỗ trợ một lần 50% chi phí mua giống lần đầu.

b) Giống vật nuôi: Hỗ trợ toàn bộ chi phí thụ tinh nhân tạo (gồm: liệu tinh, Nito, dụng cụ phối giống, công phối giống) trên địa bàn Thành phố khi phối giống bằng tinh bò sữa, bò thịt chất lượng cao, tinh lợn giống cao sản.

2.2. Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh:

a) Đối với cây trồng: Hỗ trợ 50 % chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 30% trong năm thứ hai bao gồm: thuốc, công lao động, thuê máy. Hỗ trợ 100% chi phí trong năm đầu và 50% trong năm thứ hai chi phí bảo vệ thực vật khi sử dụng các chế phẩm sinh học, có nguồn gốc sinh học để phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất rau, quả, chè an toàn.

b) Đối với vật nuôi: Hỗ trợ chi phí tiêm phòng (vắc xin, công tiêm) trên địa bàn Thành phố đối với các loại bệnh nguy hiểm: cúm gia cầm, lở mồm long móng gia súc, tai xanh và dịch tả lợn; hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường.

c) Đối với thủy sản: Hỗ trợ 50 % năm đầu và 30% năm thứ hai chi phí hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường ao nuôi.

3. Phương thức hỗ trợ: Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện hỗ trợ thông qua hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã, UBND xã, các đoàn thể cấp xã và thực hiện quyết toán theo các quy định tài chính hiện hành.

3. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm

3.1. Hỗ trợ xúc tiến thương mại:

3.1.1. Đối tượng: Các doanh nghiệp, tổ chức khi được cấp có thẩm quyền cử tham gia hội trợ, triển lãm trong nước

3.1.2. Nội dung và mức hỗ trợ: Các doanh nghiệp, tổ chức khi được cấp có thẩm quyền cử tham gia hội trợ, triển lãm trong nước được ngân sách Thành phố hỗ trợ các khoản chi phí theo mức quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính. Trường hợp khi tham gia hội chợ, triển lãm từ tỉnh Quảng Bình trở vào được hỗ trợ thêm 50% cước phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ, tối đa không quá 6 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức.

3.1.3. Phương thức hỗ trợ: Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp, tổ chức theo các quy định tài chính hiện hành.

3.2. Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm:

3.2.1. Đối tượng: Các doanh nghiệp tham gia ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân có ứng trước một phần chi phí mua giống, vật tư phục vụ sản xuất.

3.2.2. Nội dung và mức hỗ trợ: Các doanh nghiệp, tổ chức khi ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân có ứng trước một phần chi phí mua giống, vật tư phục vụ sản xuất thì được hỗ trợ 100% lãi suất tính theo mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh thành phố Hà Nội tại thời điểm đối với phần chi phí đã ứng trước cho nông dân. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo hợp đồng của doanh nghiệp, tổ chức, tối đa không quá 03 tháng đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất dưới 6 tháng; không quá 6 tháng đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất trên 6 tháng.

- Các doanh nghiệp khi thu mua nông sản của tổ chức, cá nhân theo hợp đồng để tiêu thụ, trong trường hợp giá thị trường xuống thấp hơn giá thu mua đã ký phải lưu kho bảo quản thì được ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% chi phí lưu kho. Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 04 tháng.

3.2.3. Phương thức hỗ trợ: Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp, tổ chức theo các quy định tài chính hiện hành.

4. Chính sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất

4.1. Đối tượng: Các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất trong vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung;

4.2. Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ cấp nước phục vụ sản xuất: Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung chưa có hệ thống thủy lợi cấp nước tưới cho cây trồng thì được hỗ trợ chi phí khoan giếng, đào giếng lấy nước tưới. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ xử lý môi trường, chất thải

a) Đối với sản xuất trồng trọt: Hỗ trợ chi phí mua 1-2 thùng lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật/ha và chi phí tiêu hủy bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

b) Đối với chăn nuôi: Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi tại các Xã chăn nuôi trọng điểm, khu chăn nuôi tập trung, trang trại chăn nuôi ngoài khu dân cư khi xây dựng công trình xử lý chất thải đáp ứng theo yêu cầu tiêu chuẩn môi trường quy định được hỗ trợ xây dựng công trình 300.000 đồng/01 đầu gia súc chăn nuôi (lợn, trâu, bò).

- Đối với thủy sản: Hỗ trợ 01 lần bằng 50% chi phí thiết bị làm giàu ô xy vùng nước nuôi trồng thủy sản, tối đa không quá 15 triệu đồng/ha.

4.3. Phương thức thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân theo các quy định tài chính hiện hành.

Điều 2. Thông qua Chính sách hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội

1. Chính sách hỗ trợ về đầu tư

1.1. Đối tượng: Các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân khi thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

1.2. Nội dung và mức hỗ trợ: Được hưởng mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Thành phố theo tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể: Hỗ trợ 90% đối với các xã vùng dân tộc và miền núi; 75% đối với các vùng đồi gò, trung du; 60% đối với vùng đồng bằng và 45% đối với vùng thị trấn, thị tứ.

1.3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân theo tiến độ thực hiện dự án.

UBND Thành phố đề nghị ban hành chính sách nêu trên là mức hỗ trợ đầu tư cao nhất theo Quyết định 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn để nâng tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch hiện nay là 35% lên 60% vào năm 2015 (tương đương 1,1 triệu người).

2. Chính sách hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn

2.1. Đối tượng: Các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số khi sử dụng nước sạch lần đầu từ các công trình cấp nước sạch tập trung.

2.2. Nội dung và mức hỗ trợ: Đối với các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước lần đầu từ các công trình

cấp nước tập trung được Thành phố hỗ trợ 60% giá nước sạch trong năm đầu tiên, 30% giá nước sạch trong năm thứ hai, nhưng hỗ trợ tối đa không quá 04m³/tháng/người.

2.3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho các đơn vị cấp nước.

UBND Thành phố đề xuất chính sách nêu trên để hỗ trợ và khuyến khích các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở nông thôn sử dụng nước sạch nhằm đảm bảo về sức khỏe, giảm tình trạng bệnh tật trong dân cư liên quan đến nguồn nước, giảm chi phí khám chữa bệnh cho gia đình và xã hội.

Điều 3. Thông qua Chính sách khuyến khích phát triển nghề và làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề từ 3 tháng đến 1 năm

Đối tượng: Người lao động đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 điều 4 và trong phạm vi quy định của chính sách

Nội dung, mức hỗ trợ: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% học phí và tiền mua tài liệu theo quy định của cơ sở đào tạo và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngành nghề đào tạo: gốm sứ, đậu bạc, thóc đồng, điêu khắc, sơn mài, khâu trai.

Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho người lao động

2. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại và thương hiệu làng nghề

2.1. Hỗ trợ xúc tiến thương mại

Đối tượng: Các tổ chức, cơ sở sản xuất trong phạm vi quy định của chính sách

Nội dung và mức hỗ trợ:

- Các tổ chức, cơ sở sản xuất được hưởng chính sách xúc tiến thương mại theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia.

- Các tổ chức, cơ sở sản xuất khi được UBND Thành phố cử tham gia hội chợ, triển lãm trong nước từ tỉnh Quảng Bình trở vào được hỗ trợ thêm 50% cước phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ, tối đa không quá 6 triệu đồng/tổ chức, cơ sở sản xuất.

Phương thức hỗ trợ: Thông qua đơn vị thực hiện chương trình

2.2. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu làng nghề

Đối tượng: Các làng nghề được UBND Thành phố quyết định công nhận

Nội dung và mức hỗ trợ: Các làng nghề được UBND Thành phố quyết định công nhận được Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí để thực hiện các nội dung:

- Đào tạo, tập huấn kiến thức về xây dựng và quảng bá thương hiệu với chuyên gia trong nước và chuyên gia nước ngoài.

- Đặt tên thương hiệu, thiết kế biểu tượng (lô gô) và hệ thống các dấu hiệu nhận diện thương hiệu tương ứng cho thương hiệu tổ chức, cá nhân và thương hiệu làng nghề.

- Tư vấn chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu cho thương hiệu tổ chức, cá nhân và thương hiệu làng nghề.

Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/1 làng nghề/1 nội dung. Các làng nghề được quyền đăng ký nhiều nội dung đề nghị hỗ trợ.

Phương thức hỗ trợ: Thông qua Hội, hiệp hội ngành nghề hoặc Hợp tác xã trên địa bàn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã

3. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng làng nghề

3.1. Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường

Đối tượng: Các làng nghề được UBND Thành phố quyết định công nhận

Nội dung và mức hỗ trợ: Các làng nghề đã được UBND Thành phố quyết định công nhận được Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí để xây dựng công trình trạm xử lý nước thải đầu mối của khu thu gom xử lý nước thải tập trung; khu tập kết chất thải rắn. Hệ thống đường dẫn và phần còn lại được huy động đóng góp của các tổ chức, cơ sở sản xuất, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác (máy móc công nghệ xử lý nước thải phù hợp với quy mô và tính chất từng ngành nghề, làng nghề).

c. Phương thức hỗ trợ: hỗ trợ cho ngân sách cấp xã thực hiện

3.2. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ du lịch làng nghề

Đối tượng: Các làng nghề kết hợp du lịch theo quy hoạch được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt

Nội dung và mức hỗ trợ: Các làng nghề kết hợp du lịch theo quy hoạch được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt được Ngân sách Thành phố hỗ trợ:

- Toàn bộ kinh phí mua vật tư để xây dựng bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng; phần còn lại được huy động đóng góp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Toàn bộ kinh phí mua vật tư để xây dựng khu trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm nhưng không quá 1.000 triệu đồng/làng nghề, phần còn lại được huy động đóng góp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Phương thức hỗ trợ: hỗ trợ cho ngân sách cấp xã thực hiện

Điều 4. Giao Ủy ban Nhân dân thành phố

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân khóa XIV kỳ họp thứ 8 và các văn bản pháp luật của Trung ương quy định cụ thể nội dung chi và mức chi; chỉ đạo các Sở, Ngành, Ủy ban nhân các quận, huyện, thị xã tổ chức thực hiện chính sách thông qua các chương trình, đề án, dự án; Xây dựng và phê duyệt dự toán kinh phí hàng năm, trực tiếp tổ chức thực hiện việc hỗ trợ cho các đối tượng theo, chịu trách nhiệm quản lý, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ, triển khai theo đúng các qui định hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước

Điều 5. Giao Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc Thành phố giám sát việc thực hiện nghị quyết này

Nghị quyết này được HĐND thành phố khóa XIV ban hành tại kỳ họp thứ 8 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, Ngành Trung ương;
- Thường trực T/U;
- Đoàn ĐB Quốc hội Hà Nội;
- TT HĐND, UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Các đ/c đại biểu HĐND Thành phố;
- Các cơ quan báo chí TW và Hà Nội;
- VP: TU, HĐND, UBND Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Ngô Thị Doãn Thanh